

**Dự thảo gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH****LUẬT TRỒNG TRỌT**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;  
Quốc hội ban hành Luật Trồng trọt.*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động trồng trọt; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trồng trọt; quản lý nhà nước về trồng trọt.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động trồng trọt* bao gồm hoạt động về giống cây nông nghiệp, giống cây dược liệu, giống cây cảnh và giống nấm ăn (sau đây gọi là giống cây trồng); phân bón; canh tác, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và chất lượng sản phẩm cây trồng nông nghiệp, cây cảnh và nấm ăn (sau đây gọi là sản phẩm cây trồng).

2. *Canh tác* là quá trình con người sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trang thiết bị, vật tư nông nghiệp và áp dụng quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm cây trồng.

3. *Giống cây trồng* là quần thể cây trồng có thể phân biệt được với quần thể cây trồng khác cùng loài thông qua sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng được di truyền cho đời sau; đồng nhất về hình thái; ổn định qua các chu kỳ nhân giống; có giá trị canh tác, giá trị sử dụng.

4. *Vật liệu làm giống cây trồng* là cây hoặc bộ phận của cây, nấm hoặc bộ phận của nấm có khả năng phát triển thành một cá thể mới.

5. *Cây trồng hàng năm* là loài cây được gieo trồng, kết thúc chu kỳ sản xuất trong một năm hoặc được lưu gốc để thu hoạch vào các năm sau tiếp theo.

6. *Cây trồng lâu năm* là loài cây thân gỗ, phát hoa nhiều lần trên thân chính hoặc cành từ thân chính, gieo trồng một lần nhưng cho thu hoạch dài hơn một năm.

7. *Tính khác biệt của giống cây trồng*: Giống cây trồng được coi là có tính khác biệt nếu có khả năng phân biệt rõ ràng với các giống cây trồng được biết đến rộng rãi.

8. *Tính đồng nhất của giống cây trồng*: Giống cây trồng được coi là có tính đồng nhất nếu có sự biểu hiện giống nhau về các tính trạng liên quan, trừ những sai lệch trong phạm vi cho phép đối với một số tính trạng cụ thể trong quá trình nhân giống.

9. *Tính ổn định của giống cây trồng*: Giống cây trồng được coi là có tính ổn định nếu các tính trạng liên quan của giống cây trồng đó vẫn giữ được các biểu hiện như mô tả ban đầu, không bị thay đổi sau mỗi vụ nhân giống hoặc sau mỗi chu kỳ nhân giống trong trường hợp nhân giống theo chu kỳ.

10. *Khảo nghiệm giống cây trồng* là hoạt động theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu xác định tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác, giá trị sử dụng theo phương pháp nhất định.

11. *Khảo nghiệm có kiểm soát* là khảo nghiệm trong điều kiện cách ly; tạo áp lực lây nhiễm nhân tạo với đối tượng sinh vật gây hại hoặc tạo được môi trường cần thiết để giống cây trồng thể hiện đầy đủ đặc tính.

12. *Khảo nghiệm phân bón* là hoạt động theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu nhằm xác định phương thức sử dụng, tác động đến môi trường, hiệu quả nông học, hiệu quả kinh tế của phân bón.

13. *Khảo nghiệm diện hẹp* là khảo nghiệm được tiến hành trên đồng ruộng, diện tích ô nhỏ, có lặp lại, bố trí thí nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp khảo nghiệm đối với đối tượng được khảo nghiệm.

14. *Khảo nghiệm diện rộng* là khảo nghiệm được tiến hành trên đồng ruộng, diện tích ô lớn, không lặp lại, bố trí thí nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp khảo nghiệm đối với đối tượng được khảo nghiệm.

15. *Cây đầu dòng* là cây tốt nhất trong quần thể của một giống cây trồng theo mục đích tuyển chọn để cung cấp vật liệu nhân giống vô tính.

16. *Vườn cây đầu dòng* là vườn cây được thiết lập đầu tiên, hoặc vườn được nhân từ cây đầu dòng, hoặc vườn được nhân từ vườn cây đầu dòng của một giống trồng bằng phương pháp vô tính để cung cấp vật liệu nhân giống vô tính.

17. *Lô hạt giống* là lượng hạt giống của cùng một giống, có cùng mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản theo cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng không vượt quá khối lượng quy định.

18. *Lô cây giống* là số lượng cây giống xác định của cùng một giống, được nhân từ một nguồn giống, cùng thời gian, địa điểm và quy trình kỹ thuật nhân giống.

19. *Phân bón* là sản phẩm có chức năng cung cấp chất dinh dưỡng hoặc có tác dụng cải tạo đất để tăng năng suất, chất lượng cho cây trồng.

20. *Chỉ tiêu chất lượng phân bón* là các thông số kỹ thuật về đặc tính, thành phần, hàm lượng phản ánh chất lượng phân bón được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng tương ứng.

21. *Nguyên tố dinh dưỡng trong phân bón* là các nguyên tố hóa học cần thiết cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động trồng trọt**

1. Hoạt động trồng trọt theo chuỗi giá trị, gắn với định hướng thị trường, tạo môi trường thuận lợi để phát triển hợp tác, liên kết sản xuất; xây dựng vùng sản xuất hàng hoá tập trung; sản xuất có hợp đồng; sản xuất có chứng nhận chất lượng; bảo đảm an ninh lương thực; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của tổ chức, cá nhân.

2. Đảm bảo khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng; sử dụng an toàn và hiệu quả các loại vật tư nông nghiệp.

3. Phải thực hiện trong điều kiện môi trường đất, nước, không khí đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật. Tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

4. Hướng tới nền sản xuất nông nghiệp cơ giới hoá đồng bộ; áp dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin; nông nghiệp chính xác, nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh.

5. Phát huy lợi thế vùng miền gắn với bảo tồn các giống cây trồng đặc sản, bản địa; bảo vệ các hệ thống canh tác bền vững, các di sản, cảnh quan, văn hóa trong nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái và xây dựng nông thôn mới.

6. Chủ động phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; tuân thủ các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### **Điều 4. Chiến lược phát triển trồng trọt**

1. Chiến lược phát triển trồng trọt được xây dựng cho chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 30 năm hoặc dài hơn và được điều chỉnh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, biến đổi khí hậu.

2. Chiến lược phát triển trồng trọt xác định quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển trồng trọt cho từng vùng và trên phạm vi toàn quốc.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển trồng trọt.

### **Điều 5. Chính sách của Nhà nước về trồng trọt**

1. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau:

a) Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt; thông tin và dự báo thị trường; xây dựng chiến lược phát triển trồng trọt; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động trồng trọt;

b) Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực trồng trọt;

c) Các hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 6 của Luật này;

d) Đào tạo nguồn nhân lực, khuyến nông cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn; ưu tiên đào tạo nữ giới.

2. Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách Nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau:

a) Liên kết sản xuất, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, canh tác hữu cơ; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; canh tác trên các vùng đất đặc thù; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ các nhà máy chế biến; quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc;

b) Các hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Luật này;

c) Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, hoạt động chứng nhận sản phẩm cây trồng;

d) Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất hàng hóa tập trung, bảo quản, chế biến; sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học; canh tác hữu cơ; cơ giới hoá; phòng thử nghiệm kiểm chứng quốc gia và kiểm nghiệm liên phòng quốc tế;

đ) Sản xuất lúa;

e) Sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, giống bố mẹ để sản xuất hạt lai F1; phục tráng giống cây trồng đặc sản, bản địa; duy trì cây đầu dòng; bảo vệ và phát triển các vườn cây đầu dòng; nhập nội giống mới, mua bản quyền giống cây trồng; thu bản quyền đối với giống cây trồng nhân vô tính;

g) Xây dựng chợ đầu mối sản phẩm cây trồng; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây trồng;

h) Đào tạo nguồn nhân lực; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông trong trồng trọt.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này và các hoạt động sau đây:

a) Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu phát triển, kinh doanh, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các hoạt động liên quan trong lĩnh vực trồng trọt;

b) Xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực trồng trọt; nâng cao năng lực hoạt động đánh giá sự phù hợp;

c) Bảo hiểm nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt;

d) Canh tác hữu cơ, canh tác kết hợp du lịch sinh thái, bảo vệ cảnh quan, văn hóa, lịch sử ở khu vực nông thôn;

đ) Sử dụng phân bón hữu cơ.

## **Điều 6. Hoạt động khoa học và công nghệ trong trồng trọt**

1. Hoạt động khoa học và công nghệ về trồng trọt được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ trong trồng trọt được Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư gồm:

a) Nghiên cứu cơ chế, chính sách; nghiên cứu chọn, tạo giống cây trồng chất lượng cao, chống chịu với sinh vật gây hại và thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu phát triển phân bón hữu cơ, sản phẩm sinh học; khoa học đất và dinh dưỡng cây trồng; kỹ thuật canh tác và bảo vệ môi trường sản xuất trồng trọt; công nghệ sau thu hoạch;

b) Thu thập, lưu giữ, bảo tồn và khai thác nguồn gen giống cây trồng quý, hiếm, giống đặc sản, bản địa; xây dựng ngân hàng gen cây trồng;

c) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong canh tác, bảo quản và chế biến; quy trình sản xuất tiên tiến; sản xuất nông nghiệp xanh; nông nghiệp hữu cơ; nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **Điều 7. Hợp tác quốc tế trong hoạt động trồng trọt**

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động trồng trọt với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền, pháp luật của mỗi bên và pháp luật quốc tế.

2. Nội dung ưu tiên hợp tác quốc tế trong hoạt động trồng trọt gồm:

a) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giống cây trồng; vật tư nông nghiệp; quy trình và công nghệ sản xuất; công nghệ sau thu hoạch; trao đổi thông tin;

b) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động trồng trọt;

c) Hợp tác đầu tư, liên kết sản xuất, dự báo và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia và mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động trồng trọt.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động trồng trọt.

## **Điều 8. Cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt**

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt được xây dựng, cập nhật và thống nhất quản lý từ Trung ương đến địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc cung cấp thông tin, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt.

## **Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt**

1. Sản xuất, mua bán, nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc công bố lưu hành tại Việt Nam, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm và trao đổi quốc tế.

2. Sản xuất, mua bán, nhập khẩu phân bón chưa được cấp Quyết định công nhận lưu hành tại Việt Nam trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật này.

3. Sản xuất, mua bán giống cây trồng không đáp ứng điều kiện sản xuất, mua bán; sản xuất, mua bán phân bón chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, mua bán phân bón.

4. Sản xuất, mua bán, nhập khẩu giống cây trồng, phân bón giả; giống cây trồng, phân bón hết hạn sử dụng.

5. Cung cấp sai lệch thông tin về giống cây trồng, phân bón đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc sai lệch với thông tin đã công bố khi đăng ký lưu hành sản phẩm.

6. Mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, vật tư nông nghiệp và các sản phẩm cây trồng không rõ nguồn gốc, có nguy cơ gây hại cho nguồn gen cây trồng và sức khỏe con người.

7. Thực hiện trái phép khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định đồng ruộng, giám định, chứng nhận chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón.

8. Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định đồng ruộng, kiểm tra, giám định, chứng nhận chất lượng, dấu hợp chuẩn, hợp quy về vật tư nông nghiệp và sản phẩm cây trồng.

9. Xuất khẩu trái phép giống cây trồng thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu.

10. Canh tác gây tổn hại tới sức khỏe cộng đồng, ô nhiễm môi trường, suy thoái và cạn kiệt tài nguyên đất, nước và đa dạng sinh học.

11. Khai thác sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa phục vụ mục đích phi nông nghiệp.

## **Chương II**

### **GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Mục 1**

### **NGHIÊN CỨU, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO TỒN NGUỒN GEN GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 10. Nghiên cứu chọn, tạo và chuyển giao công nghệ về giống cây trồng**

1. Nghiên cứu chọn, tạo và chuyển giao công nghệ về giống cây trồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Nội dung ưu tiên nghiên cứu trong chọn, tạo giống cây trồng thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 6 của Luật này.

#### **Điều 11. Khai thác, sử dụng nguồn gen giống cây trồng**

1. Nguồn gen giống cây trồng bao gồm nguồn gen từ giống cây trồng đã được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc công bố lưu hành; giống cây trồng đã tồn tại phổ biến trong sản xuất, giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa chưa được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc công bố lưu hành.

2. Việc khai thác, sử dụng nguồn gen giống cây trồng thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về đa dạng sinh học.

### **Điều 12. Bảo tồn nguồn gen giống cây trồng**

1. Bảo tồn nguồn gen giống cây trồng bao gồm các hoạt động sau:

- a) Điều tra, thu thập, bảo tồn và xây dựng ngân hàng gen giống cây trồng;
- b) Giải mã gen và đánh giá các chỉ tiêu nông học, sinh học và giá trị sử dụng;
- c) Thiết lập và chia sẻ dữ liệu, hệ thống thông tin tư liệu và nguồn gen giống cây trồng.

2. Chính phủ quy định chế độ khai thác, sử dụng, bảo tồn nguồn gen giống cây trồng và ban hành Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu.

## **Mục 2**

### **CÔNG NHẬN LƯU HÀNH VÀ CÔNG BỐ LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 13. Yêu cầu chung**

1. Giống cây trồng thuộc loài cây trồng có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế (sau đây gọi là loài cây trồng chính) chỉ được phép sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu sau khi được cấp Quyết định công nhận lưu hành theo quy định tại Điều 14 hoặc cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách theo quy định tại Điều 15 của Luật này, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm và trao đổi quốc tế.

2. Giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính chỉ được phép sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu khi tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành theo quy định tại Điều 16 của Luật này. Trường hợp tổ chức, cá nhân muốn đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Luật này.

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có văn phòng đại diện tại Việt Nam là chủ sở hữu của giống cây trồng hoặc được chủ sở hữu ủy quyền có quyền đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng.

4. Việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng được thực hiện đồng thời với việc cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng khi tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận lưu hành giống cây trồng đề nghị và đáp ứng các điều kiện về bảo hộ giống cây trồng theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

5. Việc đặt tên giống cây trồng thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính phải được khảo nghiệm do tổ chức khảo nghiệm độc lập được công nhận đủ điều kiện thực hiện trước khi cấp hoặc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành, trừ trường hợp giống cây cảnh

không phải thực hiện khảo nghiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và giống cây trồng được cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách quy định tại Điều 15 của Luật này.

7. Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục loài cây trồng chính.

#### **Điều 14. Cấp, cấp lại, gia hạn, huỷ bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng**

1. Điều kiện cấp Quyết định công nhận lưu hành:

- a) Giống có tên hợp lệ;
- b) Có kết quả khảo nghiệm đảm bảo tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định;
- c) Có kết quả khảo nghiệm đạt yêu cầu về giá trị canh tác, giá trị sử dụng theo tiêu chuẩn quốc gia;
- d) Có xác nhận đã nộp mẫu lưu theo quy định tại Điều 19 của Luật này;
- đ) Có bản công bố thông tin về giống cây trồng; quy trình sản xuất do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn;
- e) Có thông tin về cây, vườn cây được sử dụng làm cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đối với loài cây trồng lâu năm, cây thanh long và cây hồ tiêu được nhân giống bằng phương pháp vô tính.

2. Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hàng năm có thời hạn 10 năm, giống cây trồng lâu năm, cây thanh long và cây hồ tiêu có thời hạn 20 năm và được gia hạn.

3. Cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng trong các trường hợp sau:

- a) Quyết định công nhận lưu hành bị mất hoặc hư hỏng;
- b) Thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến Quyết định công nhận lưu hành.

4. Điều kiện gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

- a) Khi tổ chức, cá nhân yêu cầu;
- b) Có kết quả khảo nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật này.

5. Huỷ bỏ Quyết định công nhận lưu hành thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Gian lận hồ sơ đăng ký công nhận lưu hành giống cây trồng;
- b) Không duy trì các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này;
- c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cung cấp sai thông tin về giống cây trồng, hướng dẫn sử dụng giống cây trồng, quy trình sản xuất giống cây trồng đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định mà còn tái phạm;



d) Không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 30 của Luật này;

đ) Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hết hạn nhưng tổ chức, cá nhân không gia hạn;

e) Có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải hủy bỏ.

6. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp; cấp lại; gia hạn; hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng.

### **Điều 15. Cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng**

1. Giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính đã tồn tại phổ biến trong sản xuất được cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân;

b) Nộp mẫu lưu theo quy định tại Điều 19 của Luật này.

2. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng.

### **Điều 16. Tự công bố lưu hành giống cây trồng**

1. Nội dung công bố lưu hành giống cây trồng:

a) Tên giống cây trồng hợp lệ;

b) Giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng đạt quy chuẩn quốc gia; tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở trong trường hợp không có tiêu chuẩn quốc gia;

c) Thông tin về giống cây trồng; quy trình sản xuất do tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng biên soạn;

d) Thông tin về cây, vườn cây được sử dụng làm cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đối với loài cây trồng lâu năm, cây thanh long, cây hồ tiêu được nhân giống bằng phương pháp vô tính.

2. Tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin đã công bố; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật này và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

## **Mục 3**

### **KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 17. Yêu cầu chung về khảo nghiệm giống cây trồng**

1. Khảo nghiệm giống cây trồng thực hiện theo vùng. Giống cây trồng khảo nghiệm ở vùng nào thì được cấp Quyết định công nhận lưu hành ở vùng đó.

2. Phương pháp khảo nghiệm và phân vùng khảo nghiệm được quy định tại tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.

3. Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này được tiến hành trên đồng ruộng trong hai vụ gieo trồng đối với cây hàng năm hoặc hai chu kỳ thu hoạch đối với cây lâu năm tại một địa điểm cố định thuộc một vùng khảo nghiệm giống cây trồng duy nhất.

4. Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng trong điều kiện có kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật này tiến hành tại một địa điểm cố định thuộc một vùng khảo nghiệm giống cây trồng duy nhất.

5. Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 18 của Luật này đối với giống cây hàng năm được tiến hành trên đồng ruộng ít nhất trong 03 vụ, trong đó có 02 vụ giống nhau. Trường hợp giống chỉ đăng ký sử dụng cho 01 vụ thì chỉ cần khảo nghiệm trong 02 vụ đăng ký sử dụng; đối với giống cây lâu năm thu hoạch 01 lần trong năm, quan sát ít nhất 02 vụ thu hoạch; đối với cây lâu năm thu hoạch nhiều vụ trong năm, quan sát ít nhất 03 vụ thu hoạch trong thời gian ít nhất 01 năm.

Tổ chức khảo nghiệm được sử dụng vườn cây của giống cây trồng lâu năm do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận lưu hành thiết lập phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng để quan sát các chỉ tiêu cần thiết.

6. Các nội dung khảo nghiệm quy định tại Điều 18 của Luật này có thể tiến hành đồng thời.

7. Phương pháp giải trình tự gen được sử dụng thay thế phương pháp khảo nghiệm tính khác biệt để kiểm tra tính đúng giống khi tổ chức, cá nhân được cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng đề nghị.

### **Điều 18. Nội dung khảo nghiệm**

1. Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cây trồng.

2. Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng bao gồm:

- a) Khảo nghiệm có kiểm soát;
- b) Khảo nghiệm diện hẹp;
- c) Khảo nghiệm diện rộng.

### **Điều 19. Lưu mẫu giống cây trồng**

1. Mẫu giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính (sau đây gọi là mẫu lưu) phải được lưu giữ trong suốt quá trình khảo nghiệm và lưu hành giống cây trồng.

2. Mẫu lưu được sử dụng trong các trường hợp sau:

- a) Làm giống khảo nghiệm, giống đối chứng, giống tương tự, giống điển hình trong khảo nghiệm;
- b) Thử nghiệm, hậu kiểm giống cây trồng;
- c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết các tranh chấp về giống cây trồng.

3. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về trồng trọt có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hoặc thuê tổ chức, cá nhân lưu giữ mẫu lưu.

4. Chấm dứt việc lưu giữ mẫu lưu trong các trường hợp sau:

- a) Giống cây trồng không được cấp Quyết định công nhận lưu hành;
- b) Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng bị huỷ bỏ.

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết Điều này.

### **Điều 20. Cấp, cấp lại, huỷ bỏ Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng**

1. Điều kiện cấp Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng

a) Người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành cây trồng, bảo vệ thực vật, công nghệ sinh học, di truyền, chọn tạo giống;

b) Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.

2. Cấp lại Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng trong các trường hợp sau:

- a) Quyết định bị mất hoặc hư hỏng;
- b) Thay đổi thông tin ghi trong Quyết định.

3. Hủy bỏ Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Bị tẩy, xoá làm sai lệch nội dung ghi trong Quyết định;
- b) Phát hiện giấy tờ giả, thông tin không trung thực trong hồ sơ đã đăng ký;
- c) Tổ chức được cấp Quyết định công nhận có hành vi vi phạm mà pháp luật quy định phải thu hồi Quyết định;
- d) Không còn đáp ứng được một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này;
- đ) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức khảo nghiệm quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Mục 4**

### **SẢN XUẤT VÀ MUA BÁN GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 21. Điều kiện của tổ chức, cá nhân sản xuất, mua bán giống cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giống cây trồng hoặc được ủy quyền của tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc đã công bố lưu hành;

b) Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phù hợp tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở về sản xuất giống cây trồng.

2. Tổ chức, cá nhân mua bán giống cây trồng phải có tài liệu bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống cây trồng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 22. Sản xuất giống cây trồng**

1. Sản xuất giống cây trồng được thực hiện theo phương pháp nhân giống hữu tính và phương pháp nhân giống vô tính phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở về phương pháp sản xuất giống cây trồng.

2. Cây, vườn cây cung cấp vật liệu phục vụ nhân giống vô tính đối với cây trồng lâu năm, cây hồ tiêu và cây thanh long phải được công nhận là cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.

### **Điều 23. Công nhận, gia hạn, hủy bỏ Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng**

1. Cây, vườn cây được công nhận là cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng khi được bình tuyến và đạt tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Vườn cây của giống cây trồng lâu năm, cây hồ tiêu và cây thanh long thiết lập đạt tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng được công nhận là cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng khi cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc khi tự công bố lưu hành giống cây trồng, không qua bình tuyến trong 5 năm đầu.

3. Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng có thời hạn là 05 năm và được gia hạn.

4. Hủy bỏ Quyết định công nhận khi cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng không đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.

5. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận, gia hạn, hủy bỏ Quyết định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.

## **Mục 5**

### **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 24. Yêu cầu chung**

1. Quản lý chất lượng giống cây trồng bao gồm quản lý chất lượng giống và quản lý chất lượng vật liệu làm giống.

2. Chất lượng giống cây trồng được quản lý theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở.

3. Chất lượng vật liệu làm giống cây trồng được quản lý như sau:

a) Vật liệu làm giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng vật liệu làm giống cây trồng và phải thực hiện kiểm định ruộng giống theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này;

b) Vật liệu làm giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính được quản lý theo tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng vật liệu làm giống cây trồng.

### **Điều 25. Kiểm định ruộng giống; lấy mẫu giống, vật liệu làm giống cây trồng**

1. Kiểm định ruộng giống được thực hiện trong quá trình sản xuất giống cây trồng theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp kiểm định ruộng giống.

2. Lấy mẫu giống, vật liệu làm giống cây trồng được thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp lấy mẫu giống cây trồng do người được tập huấn nghiệp vụ thực hiện.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 26. Ghi nhãn và quảng cáo giống cây trồng**

1. Ghi nhãn và quảng cáo giống cây trồng thực hiện theo quy định của Luật này; pháp luật về thương mại và pháp luật về quảng cáo.

2. Nội dung ghi nhãn và quảng cáo đối với giống cây trồng phải phù hợp với thông tin đã công bố trong hồ sơ đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc nội dung tự công bố lưu hành.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Mục 6**

### **XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 27. Xuất khẩu giống cây trồng**

1. Giống cây trồng đã được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu được xuất khẩu và thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, pháp luật về quản lý ngoại thương.

2. Giống cây trồng chưa được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu chỉ được xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế và phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép.

3. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép xuất khẩu giống cây trồng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

## **Điều 28. Nhập khẩu giống cây trồng**

1. Giống cây trồng, hạt bố mẹ để sản xuất hạt lai của giống cây trồng đã được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành được nhập khẩu và thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, pháp luật về quản lý ngoại thương.

Trường hợp nhập khẩu phục vụ mục đích mua bán phải có hồ sơ, tài liệu đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 22 và khoản 1 Điều 25 của Luật này.

2. Việc nhập khẩu giống cây trồng không thuộc khoản 1 Điều này phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép.

3. Lô hạt giống, lô cây giống nhập khẩu phục vụ sản xuất, mua bán phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng do cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện và đạt yêu cầu về chất lượng, trừ các trường hợp sau:

a) Hạt bố mẹ để sản xuất hạt lai của giống cây trồng đã được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành;

b) Giống cây trồng chưa được cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Giống cây trồng tạm nhập tái xuất hoặc quá cảnh hoặc chuyển khẩu;

d) Giống cây trồng gửi kho ngoại quan.

4. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép nhập khẩu giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu.

## **Mục 7**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG VỀ GIỐNG CÂY TRỒNG**

#### **Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng có các quyền sau đây:

a) Được đầu tư nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng; điều tra, đánh giá, thu thập, lưu giữ, khai thác nguồn vật liệu trong nước, nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng;

b) Được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước về đầu tư cho khoa học và công nghệ, các chính sách đặc thù cho lĩnh vực, vùng miền theo quy định của pháp luật;

c) Được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng.

2. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và pháp luật khác có liên quan;

b) Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn tạo, phát hiện và phát triển giống cây trồng bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc từ dự án do Nhà nước quản lý phải đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng trước khi đưa vào kinh doanh, chuyển giao; khi chuyển giao giống cây trồng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân tiến hành nghiên cứu, chọn, tạo, thí nghiệm, khảo nghiệm giống cây trồng biến đổi gen phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đa dạng sinh học.

### **Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng được quyền lưu hành giống cây trồng hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác lưu hành giống cây trồng.

2. Tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền công nhận lưu hành giống cây trồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Duy trì tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng trong quá trình lưu hành;

b) Bồi thường thiệt hại khi lưu hành giống cây trồng không đúng với giống đã được cấp Quyết định công nhận lưu hành; lưu hành giống giả, giống không đạt quy chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở đã công bố; cung cấp sai thông tin về giống cây trồng và quy trình sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

c) Nộp phí duy trì hiệu lực Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

3. Tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền công bố lưu hành giống cây trồng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi lưu hành giống cây trồng không đúng với giống đã tự công bố lưu hành; lưu hành giống giả, giống không đạt quy chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở đã công bố; cung cấp sai thông tin về giống cây trồng và quy trình sản xuất đã công bố.

### **Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng giống cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng giống cây trồng có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp đầy đủ thông tin về giống và hướng dẫn sử dụng;

b) Được tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng bồi thường thiệt hại theo quy định điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 30 của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng giống cây trồng có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ quy trình sản xuất do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng công bố;
- b) Khi xảy ra sự cố hoặc phát hiện hậu quả xấu do giống cây trồng gây ra phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã để có biện pháp khắc phục.

**Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng**

1. Tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng có quyền khai thác hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khai thác vật liệu làm giống phục vụ mục sản xuất, buôn bán.

2. Tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận lưu hành giống cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Đảm bảo chất lượng giống cây trồng như khi được công nhận;
- b) Không khai thác vật liệu làm giống quá định mức quy định;
- c) Nộp phí bình tuyến và duy trì hiệu lực Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

**Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng**

1. Tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng được thu tiền dịch vụ thỏa thuận.

2. Tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện khảo nghiệm theo đúng nội dung ghi trong Quyết định công nhận đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả khảo nghiệm và lưu kết quả theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

c) Chịu trách nhiệm bảo mật trước tổ chức, cá nhân có giống cây trồng khảo nghiệm.

3. Tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng phải từ chối khảo nghiệm cho mục đích cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng trong các trường hợp sau đây:

a) Giống do tổ chức khảo nghiệm đó đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành;

b) Giống của đơn vị liên danh với tổ chức khảo nghiệm khi đăng ký chứng nhận đủ điều kiện khảo nghiệm;

c) Giống của các công ty trong cùng một công ty mẹ, hoặc tập đoàn, hoặc tổng công ty trong đó có tổ chức khảo nghiệm;

d) Giống của các đơn vị, trung tâm trong cùng một đơn vị sự nghiệp trong đó có tổ chức khảo nghiệm.

**Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, mua bán giống cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, mua bán giống cây trồng có quyền tổ chức hoạt động sản xuất, mua bán giống cây trồng khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 21 của Luật này.



2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, mua bán giống cây trồng có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 21 của Luật này;
  - b) Thực hiện công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định của pháp luật;
  - c) Thu hồi, xử lý giống cây trồng không đảm bảo chất lượng khi lưu thông trên thị trường;
  - d) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;
  - đ) Lưu giữ và cung cấp đầy đủ tài liệu minh chứng về nguồn gốc vật liệu làm giống; tài liệu truy xuất nguồn gốc lô giống;
  - e) Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền về các hoạt động sản xuất và buôn bán giống cây trồng.

### **Chương III**

## **PHÂN BÓN**

### **Mục 1**

## **CÔNG NHẬN PHÂN BÓN LƯU HÀNH VÀ KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

### **Điều 35. Yêu cầu chung về công nhận phân bón lưu hành**

1. Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cấp Quyết định công nhận lưu hành tại Việt Nam trừ phân bón hữu cơ do tổ chức, cá nhân sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại.
2. Thời hạn của Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam là 05 năm và được gia hạn.
3. Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài có văn phòng đại diện, công ty, chi nhánh công ty đang hoạt động tại Việt Nam được đứng tên đăng ký công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.
4. Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đứng tên đăng ký công nhận 01 tên phân bón cho mỗi công thức thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón.
5. Chính phủ quy định về phân loại phân bón.

### **Điều 36. Cấp, cấp lại, gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành**

1. Cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành  
Phân bón mới nghiên cứu, tạo ra trong nước hoặc nhập khẩu được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành khi đảm bảo các điều kiện sau đây:
  - a) Đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;
  - b) Có kết quả khảo nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này.

2. Cấp lại Quyết định công nhận phân bón lưu hành trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;
- b) Mất, hư hỏng Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;
- c) Thay đổi tên phân bón theo Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước hoặc của tòa án trong trường hợp vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Quyết định công nhận phân bón lưu hành được gia hạn khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Tổ chức, cá nhân có đề nghị gia hạn;
  - b) Đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;
  - c) Báo cáo kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

### **Điều 37. Hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

1. Phân bón bị hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam
  - a) Có bằng chứng khoa học về phân bón có nguy cơ cao gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, môi trường;
  - b) Phát hiện sử dụng tài liệu giả hoặc cung cấp thông tin trong tài liệu không đúng với phân bón đề nghị công nhận lưu hành.

2. Hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

- a) Đối với trường hợp phân bón quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổng hợp thông tin đánh giá và xem xét hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam. Tổ chức, cá nhân được sản xuất, nhập khẩu phân bón này tối đa 06 tháng; được mua bán, sử dụng tối đa 12 tháng kể từ ngày Quyết định hủy bỏ có hiệu lực;
- b) Đối với trường hợp phân bón quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, rà soát hồ sơ, tài liệu công nhận phân bón để xem xét hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành. Tổ chức, cá nhân phải chấm dứt ngay việc sản xuất, nhập khẩu, mua bán, sử dụng phân bón kể từ ngày Quyết định hủy bỏ có hiệu lực.

### **Điều 38. Yêu cầu về khảo nghiệm phân bón**

1. Phân bón phải được khảo nghiệm trước khi được công nhận lưu hành trừ các loại phân bón quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các loại phân bón không phải khảo nghiệm:
  - a) Phân bón hữu cơ sử dụng để bón rễ có thành phần chỉ là chất hữu cơ tự nhiên đáp ứng chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Phân bón vô cơ đơn sử dụng để bón rễ có thành phần chỉ chứa đạm hoặc lân hoặc kali đáp ứng chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

c) Phân bón vô cơ phức hợp sử dụng để bón rễ trong thành phần chỉ chứa các nguyên tố dinh dưỡng đạm, lân, kali được liên kết với nhau bằng các liên kết hóa học đáp ứng chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Phân bón được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận là tiến bộ kỹ thuật.

3. Phân bón được khảo nghiệm cả diện rộng và diện hẹp; khảo nghiệm diện rộng chỉ được tiến hành sau khi kết thúc khảo nghiệm diện hẹp.

4. Việc khảo nghiệm phân bón thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia do tổ chức được công nhận đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm.

5. Lượng phân bón được sản xuất, nhập khẩu để khảo nghiệm được xác định dựa trên liều lượng bón cho từng loại cây trồng và diện tích khảo nghiệm thực tế theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón.

### **Điều 39. Điều kiện công nhận tổ chức thực hiện khảo nghiệm phân bón**

1. Tổ chức khảo nghiệm phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm phải có trình độ đại học trở lên một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học và có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm phân bón;

b) Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm chính thức (viên chức hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn) không kê người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm phân bón;

c) Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón.

2. Chính phủ quy định số lượng nhân lực tối thiểu thực hiện khảo nghiệm chính thức của tổ chức thực hiện khảo nghiệm phân bón; hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, thu hồi Quyết định công nhận tổ chức thực hiện khảo nghiệm phân bón; Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm phân bón.

## **Mục 2**

### **SẢN XUẤT VÀ MUA BÁN PHÂN BÓN**

#### **Điều 40. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất;

b) Có dây chuyền, máy, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón sản xuất;

- c) Có phòng thử nghiệm được công nhận hoặc có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng phân bón do mình sản xuất;
- d) Có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với ISO 9001;
- đ) Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt;
- e) Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất phải có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.

2. Thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón là 05 năm và được cấp lại trong trường hợp mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.

#### **Điều 41. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán phân bón**

1. Tổ chức, cá nhân mua bán phân bón phải bảo đảm các điều kiện sau đây:
  - a) Có địa điểm giao dịch hợp pháp, rõ ràng;
  - b) Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ truy xuất nguồn gốc phân bón theo quy định;
  - c) Người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón từ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.
2. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán phân bón; nội dung bồi dưỡng chuyên môn về phân bón.

### **Mục 3**

#### **XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU PHÂN BÓN**

##### **Điều 42. Xuất khẩu phân bón**

Việc xuất khẩu phân bón thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương hoặc yêu cầu của nước nhập khẩu.

##### **Điều 43. Nhập khẩu phân bón**

1. Tổ chức, cá nhân có phân bón đã được công nhận lưu hành tại Việt Nam được nhập khẩu hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu thì không cần giấy phép nhập khẩu.
2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón chưa được công nhận lưu hành tại Việt Nam phải có Giấy phép nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Phân bón để khảo nghiệm;
  - b) Phân bón dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí;

- c) Phân bón sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam;
- d) Phân bón làm quà tặng; làm hàng mẫu;
- đ) Phân bón tham gia hội chợ, triển lãm;
- e) Phân bón phục vụ nghiên cứu khoa học;
- g) Phân bón làm nguyên liệu để sản xuất phân bón khác.

3. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón.

#### **Mục 4**

### **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, NHÃN, ĐẶT TÊN, QUẢNG CÁO PHÂN BÓN**

#### **Điều 44. Quản lý chất lượng phân bón**

1. Phân bón được quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng phục vụ quản lý nhà nước đối với phân bón phải được chứng nhận lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Việc lấy mẫu phân bón để thử nghiệm chất lượng phục vụ quản lý nhà nước phải do người lấy mẫu có Giấy chứng nhận tập huấn lấy mẫu phân bón thực hiện.

4. Chính phủ quy định về nội dung, thời gian, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận tập huấn lấy mẫu phân bón.

#### **Điều 45. Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu**

1. Phân bón nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng trừ các trường hợp sau đây:

- a) Phân bón nhập khẩu quy định tại điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 43 của Luật này;
- b) Phân bón tạm nhập tái xuất hoặc phân bón quá cảnh hoặc chuyển khẩu;
- c) Phân bón gửi kho ngoại quan;
- d) Phân bón nhập khẩu vào khu chế xuất.

2. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu là cơ quan chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện.

3. Hồ sơ kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu phải được lưu trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ban hành thông báo kết quả kiểm tra nhà nước.

#### **Điều 46. Tên phân bón**

1. Tên phân bón khi đăng ký không được trùng với tên phân bón đã được công nhận lưu hành tại Việt Nam.

2. Tên phân bón không làm hiểu sai lệch về bản chất, công dụng, thành phần và loại phân bón.

3. Tên phân bón không được vi phạm thuần phong mỹ tục truyền thống của Việt Nam; không trùng cách đọc hoặc cách viết với tên của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân, các loại thực phẩm, đồ uống, dược phẩm.

4. Đối với phân bón hỗn hợp, trường hợp tên của thành phần được sử dụng làm tên hay một phần của tên phân bón phải đặt theo thứ tự: Tên loại phân bón, thành phần, ký hiệu riêng, chữ số định lượng thành phần có trong tên, ký hiệu riêng khác (nếu có).

Các thành phần và chữ số định lượng thành phần theo thứ tự: Nguyên tố dinh dưỡng đa lượng đạm (N), lân (P), kali (K), nguyên tố dinh dưỡng trung lượng, nguyên tố dinh dưỡng vi lượng, chất hữu cơ, chất bổ sung khác (nếu có).

#### **Điều 47. Nhãn phân bón**

1. Phân bón khi đưa ra lưu thông phải ghi nhãn theo đúng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Ngoài các nội dung bắt buộc theo quy định nhãn phân bón phải ghi thêm các nội dung sau đây:

- a) Loại phân bón;
- b) Mã số phân bón;
- c) Đối với phân bón lá phải ghi rõ cụm từ “phân bón lá”.

2. Nội dung ghi trên nhãn phải đúng với nội dung trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

#### **Điều 48. Quảng cáo phân bón**

1. Tổ chức, cá nhân quảng cáo phân bón phải thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về quảng cáo.

2. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo phân bón.

### **Mục 5**

## **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC PHÂN BÓN**

#### **Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón có các quyền sau đây:

- a) Sản xuất phân bón được công nhận lưu hành tại Việt Nam;
- b) Quảng cáo phân bón theo quy định tại Điều 48 của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón có các nghĩa vụ sau đây:

a) Duy trì đầy đủ các điều kiện về sản xuất phân bón quy định tại Điều 40 của Luật này trong quá trình hoạt động sản xuất phân bón;

b) Sản xuất phân bón đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón công bố áp dụng;

c) Thực hiện đúng nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón;

d) Thử nghiệm đối với từng lô phân bón thành phẩm trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Lưu kết quả thử nghiệm theo hạn sử dụng của lô phân bón và bảo quản các mẫu lưu 06 tháng kể từ khi lấy mẫu;

đ) Thu hồi, xử lý phân bón không bảo đảm chất lượng và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

e) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng phân bón; bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho người lao động trực tiếp sản xuất phân bón;

h) Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu;

i) Chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; hóa chất; lao động; môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan về sản xuất phân bón.

### **Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân mua bán phân bón**

1. Tổ chức, cá nhân mua bán phân bón có các quyền sau đây:

a) Mua bán các loại phân bón được công nhận lưu hành tại Việt Nam;

b) Được cung cấp thông tin và hướng dẫn sử dụng, bồi dưỡng chuyên môn phân bón.

2. Tổ chức, cá nhân mua bán phân bón có các nghĩa vụ sau đây:

a) Duy trì đầy đủ các điều kiện về mua bán phân bón quy định tại Điều 41 của Luật này trong quá trình mua bán phân bón;

b) Phải bảo quản phân bón ở nơi khô ráo, không để lẫn với các loại hàng hóa khác;

c) Kiểm tra nguồn gốc phân bón, nhãn phân bón, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu liên quan đến chất lượng phân bón;

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các điều kiện về mua bán phân bón theo quy định tại Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Lưu giữ chứng từ hợp pháp chứng minh rõ nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp loại phân bón;

e) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn sử dụng phân bón theo đúng nội dung ghi trên nhãn phân bón;

h) Chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, hóa chất, lao động, môi trường.

#### **Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện khảo nghiệm phân bón**

1. Tổ chức khảo nghiệm phân bón có các quyền sau đây:

a) Tiến hành khảo nghiệm phân bón trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân đề nghị;

b) Được thanh toán chi phí khảo nghiệm phân bón trên cơ sở hợp đồng với các tổ chức, cá nhân đề nghị.

2. Tổ chức khảo nghiệm phân bón có các nghĩa vụ sau đây:

a) Đáp ứng các điều kiện khảo nghiệm theo quy định tại Điều 39 của Luật này;

b) Thực hiện khảo nghiệm phân bón khách quan, chính xác;

c) Tuân thủ đúng tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và các yêu cầu khảo nghiệm;

d) Báo cáo kết quả khảo nghiệm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả khảo nghiệm;

đ) Lưu giữ toàn bộ nhật ký đồng ruộng, số liệu thô, đề cương khảo nghiệm, báo cáo kết quả khảo nghiệm tối thiểu 05 năm kể từ ngày khảo nghiệm kết thúc;

e) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khảo nghiệm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

h) Gửi đề cương khảo nghiệm phân bón cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nơi khảo nghiệm trước khi tiến hành khảo nghiệm;

i) Báo cáo kết quả hoạt động khảo nghiệm phân bón với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

#### **Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của người lấy mẫu phân bón**

1. Người lấy mẫu phân bón có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp các thông tin có liên quan đến hoạt động lấy mẫu phân bón;

b) Được tập huấn về lấy mẫu phân bón.

2. Người lấy mẫu phân bón có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện lấy mẫu theo đúng tiêu chuẩn quốc gia về lấy mẫu phân bón, bảo đảm khách quan;

b) Bảo mật các thông tin, số liệu liên quan đến việc lấy mẫu trừ trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu báo cáo;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động lấy mẫu phân bón.

#### **Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón**



1. Tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón có các quyền sau đây:
  - a) Được cung cấp thông tin và hướng dẫn sử dụng phân bón hiệu quả;
  - b) Yêu cầu cơ sở mua bán phân bón hướng dẫn sử dụng phân bón theo đúng nội dung của nhãn;
  - c) Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón có các nghĩa vụ sau đây:
  - a) Sử dụng phân bón theo đúng hướng dẫn ghi trên nhãn;
  - b) Sử dụng phân bón bảo đảm hiệu quả, an toàn cho người, an toàn thực phẩm theo nguyên tắc đúng loại đất, đúng loại cây, đúng liều lượng, đúng thời điểm, đúng cách bón.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và phổ biến bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phân bón theo các nguyên tắc nêu tại điểm b Khoản 2 của Điều này.

## **Chương IV CANH TÁC**

### **Mục 1 SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRONG CANH TÁC**

#### **Điều 54. Sử dụng đất sản xuất nông nghiệp**

1. Đất sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất sản xuất nông nghiệp khác.
  - a) Đất trồng cây hàng năm bao gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;
  - b) Đất trồng cây lâu năm bao gồm đất trồng cây công nghiệp lâu năm, đất trồng cây ăn quả lâu năm và đất trồng cây lâu năm khác;
  - c) Đất sản xuất nông nghiệp khác bao gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất sử dụng cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống và đất trồng hoa, cây cảnh.
2. Việc sử dụng, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp được quy định như sau:
  - a) Phải tuân thủ quy định, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
  - b) Cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương khi xác định cơ cấu cây trồng phải căn cứ tính chất lý, hóa học của đất, đặc tính sinh học của cây trồng, trình độ phát triển của khoa học, công nghệ;
  - c) Các vùng chuyên trồng lúa nước, trồng rau, trồng cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch sử dụng ổn định, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế và định kỳ đánh giá chất lượng đất để có

biện pháp cải tạo, sử dụng bền vững; hạn chế chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp.

### **Điều 55. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

1. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với kế hoạch phát triển trồng trọt của địa phương và được sự đồng thuận của cộng đồng dân cư được giao quyền sử dụng đất;

b) Gọn vùng theo từng cây trồng gắn với đồn điền, đôi thửa, liên kết sản xuất theo chuỗi để hình thành các vùng sản xuất tập trung;

c) Đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có; phù hợp với quy hoạch và định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương;

d) Đảm bảo điều kiện để trồng lúa trở lại.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 56. Bảo vệ và sử dụng tầng mặt của đất trồng lúa**

1. Tầng đất mặt của đất trồng lúa phải được bảo vệ và quản lý chặt chẽ.

2. Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất trồng lúa phải bóc tách riêng tầng đất mặt để cải tạo đất hoặc sử dụng trồng cây nông, lâm nghiệp.

3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

### **Điều 57. Sử dụng nước tưới**

Việc khai thác, sử dụng nguồn nước phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi và các quy định sau:

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương có trách nhiệm xác định cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thủy lợi cho cây trồng phải bảo đảm chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với nước mặt phục vụ cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sử dụng hiệu quả nguồn nước tưới; áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến và tưới nước tiết kiệm; tái sử dụng nước.

### **Điều 58. Sử dụng các sinh vật có ích**

1. Sinh vật có ích trong canh tác bao gồm các loài thực vật, động vật, vi sinh vật ứng dụng trong ổn định và cải tạo độ phì nhiêu của đất; tăng sức chống đỡ và khả năng sinh trưởng của cây trồng; bảo quản, chế biến sản phẩm và phụ phẩm từ cây trồng; phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng; thụ phấn cho cây trồng và các mục đích có lợi khác.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động canh tác phải thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học; bảo vệ và kiểm dịch thực vật và áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến để bảo vệ và phát huy hiệu quả vai trò của các sinh vật có ích từ nguồn sẵn có.

3. Ưu tiên sản xuất và sử dụng các sản phẩm phát triển từ các sinh vật có ích.
4. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức điều tra, đánh giá nguồn sinh vật có ích để có biện pháp bảo vệ và khai thác phù hợp; ban hành Danh mục các loài, chủng sinh vật có ích sử dụng trong canh tác.

## **Mục 2**

### **SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP**

#### **Điều 59. Trang thiết bị và vật tư nông nghiệp**

1. Trang thiết bị sử dụng trong hoạt động trồng trọt bao gồm nhà kính; nhà lưới; máy móc và dụng cụ phục vụ sản xuất, tưới tiêu, thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến.

2. Vật tư nông nghiệp bao gồm:

a) Giống cây trồng;

b) Phân bón;

c) Thuốc bảo vệ thực vật;

d) Giá thể trồng cây; màng phủ đất; vật liệu giữ ẩm;

đ) Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong hoạt động trồng trọt không thuộc điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

3. Quản lý chất lượng trang thiết bị và vật tư nông nghiệp sử dụng trong trồng trọt quy định tại khoản 1, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn và pháp luật về chất lượng, sản phẩm hàng hóa.

#### **Điều 60. Yêu cầu sử dụng trang thiết bị và vật tư nông nghiệp**

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động canh tác chỉ được sử dụng các loại vật tư nông nghiệp được phép sử dụng, lưu hành theo quy định của pháp luật; tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn hoặc nhà sản xuất.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và vật tư nông nghiệp khác phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng; an toàn thực phẩm; hạn chế lan truyền dịch hại. Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, chất có hoạt tính sinh học thay thế dần các sản phẩm vô cơ.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng giống xác nhận hoặc tương đương trở lên; sử dụng đúng các vùng sản xuất đã được khuyến cáo.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón phải tuân thủ nguyên tắc đúng loại đất, đúng loại cây, đúng liều lượng, đúng thời điểm, đúng cách bón.

5. Tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

### Mục 3

## PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA TẬP TRUNG VÀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT

### Điều 61. Phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung

1. Phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung phải phù hợp với tính chất lý, hóa học của đất, khí hậu, nguồn nước, đặc tính sinh học của cây trồng, lợi thế vùng miền; đảm bảo xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chế biến và thị trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch;

b) Ban hành các quy định và phân cấp quản lý các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

### Điều 62. Hợp tác, liên kết sản xuất

1. Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở hợp đồng; tạo điều kiện cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc; nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên tham gia.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác, liên kết sản xuất được hưởng các chính sách quy định tại Điều 5 Luật này và các chính sách khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo điều kiện và hỗ trợ các bên tham gia đàm phán, ký kết, thực hiện các cam kết trong hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại sản phẩm cho các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

### Điều 63. Quản lý và cấp mã số vùng trồng

1. Mã số vùng trồng là một chứng nhận mã số định danh cho một vùng trồng trọt nhằm tạo thuận lợi cho việc theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng.

2. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện và có chính sách ưu tiên hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân khi đăng ký cấp mã số vùng trồng.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng lộ trình và hướng dẫn cấp mã số vùng trồng trên phạm vi toàn quốc.

4. Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn và triển khai cấp mã số vùng trồng trên địa bàn theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## Mục 4

# ỨNG DỤNG QUY TRÌNH VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CANH TÁC

### **Điều 64. Ban hành quy trình sản xuất**

1. Quy trình sản xuất phải được ban hành theo nguyên tắc mỗi đối tượng cây trồng chỉ có một quy trình sản xuất.

2. Quy trình sản xuất phải được xây dựng trên cơ sở các kết quả nghiên cứu và tiến bộ kỹ thuật trong canh tác; phải được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi có các tiến bộ kỹ thuật mới, phù hợp với thực tiễn sản xuất, trình độ phát triển của khoa học công nghệ và năng lực của người sử dụng.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các quy trình sản xuất áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình sản xuất để áp dụng trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 65. Ứng dụng công nghệ cao trong canh tác**

1. Các công nghệ cao được ưu tiên và khuyến khích ứng dụng trong canh tác bao gồm:

a) Công nghệ sinh học trong di truyền chọn, tạo giống cây trồng; chẩn đoán, giám định dịch hại cây trồng; phát triển các sản phẩm trong sinh học và vật liệu mới;

b) Công nghệ tưới nước tiết kiệm; canh tác không sử dụng đất;

c) Công nghệ sản xuất trong điều kiện nhà kính, nhà lưới;

d) Công nghệ thông tin ứng dụng trong dự tính, dự báo về sinh vật gây hại; cấp mã số và quản lý vùng trồng;

đ) Kỹ thuật nông nghiệp chính xác ứng dụng trong khoa học đất và dinh dưỡng cây trồng; điều khiển tự động chế độ bón phân, nước tưới; công nghệ bán tự động và tự động trong các dây chuyền sản xuất; phân tích chất lượng môi trường sản xuất và chất lượng sản phẩm cây trồng.

2. Ưu tiên ứng dụng các công nghệ cao quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này trên các vùng canh tác khó khăn, đất cát ven biển, đất có nguy cơ sa mạc hoá, hoang mạc hoá.

3. Công nghệ cao quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này được xây dựng với mật độ phù hợp, giảm hiệu ứng khí nhà kính.

### **Điều 66. Cơ giới hóa trong canh tác**

1. Cơ giới hóa trong canh tác phải hướng tới đồng bộ, từng bước hiện đại.

2. Việc đầu tư, cải tạo cơ sở hạ tầng trên đồng ruộng có sử dụng ngân sách nhà nước phải bảo đảm điều kiện để cơ giới hóa.

3. Tổ chức, cá nhân khi lập kế hoạch sản xuất; xác định cơ cấu cây trồng, thời vụ phải bảo đảm thực hiện cơ giới hóa.

4. Các thiết bị, máy móc sử dụng trong canh tác phải được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế đồng ruộng, quy mô, tính chất và trình độ canh tác.

## Mục 5

### CANH TÁC HỮU CƠ

#### **Điều 67. Phát triển và bảo vệ vùng canh tác hữu cơ**

1. Vùng canh tác hữu cơ phải được phát triển, bảo vệ và xây dựng kết cấu hạ tầng phù hợp, đảm bảo không bị ô nhiễm hóa chất từ bên ngoài.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và thông báo rộng rãi các vùng canh tác hữu cơ; ban hành quy định canh tác trên các vùng canh tác hữu cơ trong phạm vi quản lý.

#### **Điều 68. Yêu cầu đối với canh tác hữu cơ**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia canh tác hữu cơ phải đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ. Trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu thì áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài mà nước nhập khẩu chấp nhận.

Công bố tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn.

#### **2. Vật tư đầu vào sử dụng trong canh tác hữu cơ**

Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư đầu vào khác sử dụng trong canh tác hữu cơ phải đáp ứng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan hoặc được sản xuất từ các nguyên liệu và phương pháp phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ. Không sử dụng vật tư đầu vào trong quá trình sản xuất, bảo quản, chế biến là hóa chất tổng hợp, hoóc môn tăng trưởng, sinh vật biến đổi gen.

3. Ghi nhãn sản phẩm hữu cơ thực hiện theo quy định về nhãn hàng hóa và các thông tin yêu cầu đối với sản phẩm hữu cơ.

## Mục 6

### CANH TÁC THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

#### **Điều 69. Canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu**

1. Giải pháp nông nghiệp thông minh được áp dụng để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động canh tác.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng các giải pháp nông nghiệp thông minh để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất trồng trọt;

c) Lồng ghép giải pháp nông nghiệp thông minh khi xây dựng và thực hiện chiến lược, chương trình, đề án, dự án phát triển trồng trọt.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng các giải pháp nông nghiệp thông minh trong sản xuất trồng trọt tại địa bàn quản lý.

4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động canh tác áp dụng các giải pháp nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

### **Điều 70. Canh tác trên đất dốc, đất phèn mặn, đất cát ven biển, đất có nguy cơ sa mạc hoá, hoang mạc hoá**

1. Việc canh tác trên các vùng đất dốc, đất phèn mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hoá, hoang mạc hoá phải được quản lý và tuân thủ các quy trình sản xuất để chống xói mòn, sạt lở và suy thoái đất, bảo đảm phát triển bền vững.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia canh tác tại các vùng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách quy định tại Điều 5 của Luật này và các chính sách khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tiêu chí xác định và quy trình sản xuất bền vững trên các vùng đất dốc, đất phèn mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hoá, hoang mạc hoá.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định, công bố vùng và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất bền vững trên các vùng đất dốc, đất phèn mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hoá, hoang mạc hoá.

### **Điều 71. Bảo vệ môi trường trong canh tác**

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động canh tác phải:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn khi sử dụng các loại vật tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

c) Thu gom và xử lý phụ phẩm cây trồng theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện dấu hiệu bất thường về ô nhiễm môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động canh tác phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã để kịp thời ngăn chặn, xử lý.

## **Mục 7**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG CANH TÁC**

#### **Điều 72. Quyền của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động canh tác**

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động canh tác được hưởng các quyền sau đây:

1. Tự tổ chức sản xuất hoặc liên kết sản xuất với tổ chức, cá nhân khác.

2. Hưởng các chính sách của Nhà nước cho hoạt động canh tác quy định tại Điều 5 của Luật này và pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp, khu vực nông thôn.

3. Được hỗ trợ thiết hại để khôi phục sản xuất trong trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh theo quy định của Chính phủ.

4. Được cung cấp, chia sẻ thông tin về chính sách, pháp luật, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, thị trường sản phẩm cây trồng; đào tạo, tập huấn về lĩnh vực trồng trọt.

5. Được đăng ký cấp mã số vùng trồng.

6. Được thông báo, cảnh báo về tình hình khí hậu, môi trường, dịch bệnh và thiên tai.

7. Tham gia bảo hiểm nông nghiệp theo quy định của Chính phủ.

8. Được Nhà nước bảo vệ khi tổ chức, cá nhân khác xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp trong canh tác.

### **Điều 73. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động canh tác**

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động canh tác thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm do mình sản xuất ra; bồi thường khi gây thiệt hại đến hoạt động canh tác của người khác.

2. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, sinh vật có ích, cơ sở hạ tầng. Sử dụng vật tư nông nghiệp được phép sử dụng, lưu hành tại Việt Nam theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn hoặc nhà sản xuất.

3. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác hoặc quy trình sản xuất đã lựa chọn để ổn định và cải thiện độ phì của đất; hạn chế ô nhiễm và suy thoái đất; hạn chế lan truyền sinh vật gây hại.

4. Chủ động ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường, phòng chống sinh vật gây hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi xảy ra ô nhiễm môi trường, bùng phát dịch hại.

5. Khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển trồng trọt của địa phương.

6. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng đã ký.

## **Chương V**

### **THU HOẠCH, SƠ CHẾ, BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN, THƯƠNG MẠI VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CÂY TRỒNG**

#### **Điều 74. Thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng**

1. Tổ chức cá nhân thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng phải thực hiện quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.



2. Việc thu hoạch sản phẩm phải hạn chế thất thoát, bảo đảm chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế. Khi thu hoạch sản phẩm cây trồng để làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm.

3. Nguyên liệu đầu vào của các cơ sở sơ chế, chế biến phải có nguồn gốc, xuất xứ, bảo đảm chất lượng.

4. Các chợ đầu mối, cơ sở thu mua, kho chứa, cơ sở chế biến phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp để bảo quản sản phẩm bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

5. Khuyến khích hình thành các cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng gắn với vùng sản xuất nguyên liệu.

#### **Điều 75. Thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng**

1. Phụ phẩm cây trồng sau thu hoạch phải được thu gom, xử lý, sử dụng phù hợp, không gây ô nhiễm môi trường và lan truyền dịch hại.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích sử dụng phụ phẩm cây trồng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm, hàng hóa.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết việc thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng quy định tại khoản 1 của Điều này.

#### **Điều 76. Phát triển thị trường và thương mại sản phẩm cây trồng**

1. Phát triển thị trường và thương mại sản phẩm cây trồng thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại; về quản lý ngoại thương và các quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều này.

2. Phát triển thị trường sản phẩm cây trồng bao gồm:

a) Dự báo thị trường và định hướng phát triển, sản phẩm cây trồng trong từng thời kỳ;

b) Đàm phán và thực hiện mở cửa thị trường; tháo gỡ rào cản để sản phẩm cây trồng của Việt Nam được phép nhập khẩu vào các quốc gia và vùng lãnh thổ khác;

c) Xây dựng chợ đầu mối; xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu sản phẩm cây trồng.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây trồng; xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, thương mại trong nước và xuất khẩu được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Điều 5 của Luật này và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Chính phủ ban hành chính sách phát triển thị trường và thương mại sản phẩm cây trồng.

#### **Điều 77. Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm cây trồng phải có tài liệu truy xuất nguồn gốc; đáp ứng chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu sản phẩm cây trồng thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

### **Điều 78. Phát triển chợ đầu mối sản phẩm cây trồng**

1. Chợ đầu mối sản phẩm cây trồng được bố trí ở vùng sản xuất hàng hóa tập trung hoặc nơi tiêu thụ sản phẩm cây trồng với khối lượng lớn.

2. Phát triển chợ đầu mối sản phẩm cây trồng phải phù hợp với quy hoạch.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra Nhà nước về chất lượng và an toàn thực phẩm sản phẩm cây trồng tại chợ đầu mối.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và an toàn thực phẩm sản phẩm cây trồng tại chợ đầu mối trên địa bàn.

### **Điều 79. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm cây trồng**

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm cây trồng có các quyền sau đây:

a) Thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm cây trồng mà Nhà nước không cấm;

b) Được Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp; hỗ trợ liên kết chuỗi sản xuất, chế biến, thương mại;

c) Được hưởng các chính sách của Nhà nước quy định tại Điều 5 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm cây trồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Chấp hành sự quản lý, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 80. Quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng**

1. Sản phẩm cây trồng được quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

2. Sản phẩm cây trồng từ giống cây trồng biến đổi gen sử dụng làm thực phẩm phải ghi nhãn theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

## **Chương VI**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRỒNG TRỌT**

#### **Điều 81. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt và có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng chiến lược, đề án, kế hoạch; chỉ đạo hướng dẫn thực hiện hoạt động trồng trọt;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động trồng trọt;

c) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ các loại giấy phép, giấy công nhận, chứng nhận, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý trong hoạt động trồng trọt;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin; thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động trồng trọt;

đ) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; điều tra cơ bản, thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu và hợp tác quốc tế trong hoạt động trồng trọt;

e) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về hoạt động trồng trọt;

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động trồng trọt.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt.

### **Điều 82. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành pháp luật về hoạt động trồng trọt trên địa bàn;

b) Chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động trồng trọt trên địa bàn; tổ chức sản xuất trồng trọt;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn kiến thức, về trồng trọt; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt trên địa bàn và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt;

d) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý trong hoạt động trồng trọt theo phân công, phân cấp;

đ) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động trồng trọt theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- a) Thực hiện nội dung, biện pháp quản lý trong hoạt động trồng trọt trên địa bàn theo quy định của pháp luật;
- b) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp;
- c) Tổ chức, thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trồng trọt trên địa bàn.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 83. Sửa đổi, bổ sung Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13**

Sửa đổi, bổ sung mục 7 và bổ sung phí duy trì Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng vào phần I - Phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 như sau:

7	Phí bình tuyển, công nhận cây đầu dòng, vườn đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả; cây mẹ, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống.	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan trung ương thực hiện;  * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện.
10	Phí duy trì hiệu lực Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng	Bộ Tài chính

#### **Điều 84. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.
2. Pháp lệnh giống cây trồng hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 85. Quy định chuyển tiếp**

1. Quyết định công nhận giống cây trồng mới được ban hành theo Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004 trước khi Luật này có hiệu lực có giá trị đến đủ 10 năm đối với giống cây trồng hàng năm, đủ 20 năm đối với giống cây trồng lâu năm và được gia hạn theo quy định của Luật này. Thời hạn của Quyết định tính từ ngày cấp Quyết định công nhận giống cây trồng mới. Trường hợp thời gian còn lại không đủ 02 năm thì được tiếp tục được sử dụng cho đến đủ 02 năm.

2. Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, Quyết định công nhận phân bón lưu hành, giấy phép sản xuất phân bón, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được ban hành trước khi Luật này có hiệu lực mà chưa hết thời hạn thì có giá trị sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

3. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động trồng trọt đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng cho đến khi bị bãi bỏ hoặc thay thế.

4. Các kết quả khảo nghiệm cơ bản được thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực có giá trị tương đương kết quả khảo nghiệm diện hẹp theo quy định của Luật này.

5. Các kết quả khảo nghiệm sản xuất được thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực có giá trị tương đương kết quả khảo nghiệm diện rộng theo quy định của Luật này.

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón được thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực có giá trị tương đương giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán theo quy định của Luật này.

---

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng ... năm 2018.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**